

Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị kiểm kê: UBND huyện Sơn Tịnh  
 Tên đơn vị kiểm kê: Ủy ban nhân dân Xã Tịnh Sơn  
 Mã đơn vị kiểm kê: T48043010  
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**  
 (Thời điểm chốt số liệu kiểm kê: 0h ngày 01/01/2025)

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tổ kiểm kê gồm:

1. Ông /Bà: Phạm Văn Lành. Chức vụ: CT- UBND xã. - Tổ trưởng
2. Ông /Bà: Nguyễn Văn Công. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã - Tổ phó
3. Ông /Bà: Bùi Tấn Luân. Chức vụ: Công chức VP - TK xã; - Tổ viên
4. Ông /Bà: Nguyễn Thanh Hải. Chức vụ: Chỉ huy Trường BCH quân sự xã - Tổ viên
5. Ông /Bà: Trần Ngọc Thanh. Chức vụ: Trưởng Công an xã - Tổ viên
6. Ông /Bà: Dương Thị Hòa Lý. Chức vụ: Công chức VP-TK xã; - Tổ viên
7. Ông /Bà: Lê Thị Kiều Anh. Chức vụ: Công chức TC – KT xã; - Tổ viên
8. Ông /Bà: Tôn Long Quyền. Chức vụ: Công chức VH- XH xã - Tổ viên
9. Ông /Bà: Tôn Long Sĩ. Chức vụ: Công chức ĐC- XD xã - Tổ viên
10. Ông /Bà: Lê Văn Thanh. Chức vụ: Công chức ĐC- XD xã - Tổ viên
11. Ông /Bà: Lương Thị Ánh Ngọc. Chức vụ: Công chức TC – KT xã; - Tổ viên
12. Ông /Bà: Phạm Duy Tân. Chức vụ: Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã. - Tổ viên
13. Ông /Bà: Từ Ngọc Minh. Chức vụ: Phó Bí thư Đảng ủy xã - Tổ viên
14. Ông /Bà: Nguyễn Ngọc Khanh. Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐND xã - Tổ viên
15. Ông /Bà: Nguyễn Đức Nờ . Chức vụ: Chủ tịch UBMTTQVN xã - Tổ viên
16. Ông /Bà: Nguyễn Duy Công . Chức vụ: Chủ tịch Hội CCB xã - Tổ viên
17. Ông /Bà: Tôn Thị Tiên. Chức vụ: Chủ tịch Hội Nông dân xã; - Tổ viên
18. Ông /Bà: Đặng Thị Thuý Đào . Chức vụ: Chủ tịch Hội LH Phụ nữ xã - Tổ viên

.....  
 Đã kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân Xã Tịnh Sơn quản lý/tạm quản lý, kết quả như sau:

			Chỉ tiêu về số lượng	Chỉ tiêu về hiện vật	Chỉ tiêu về giá trị	Tình hình hạch toán	Tình trạng của tài



S T T	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Theo số kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo số kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Giá trị đầu tư nâng cần	Đã ghi số kế toán	Chưa ghi số kế toán	Còn sử dụng đượ c	Hồ sơ kh ôn g sử (19)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) =	(9)	(10)	(11)	(12) =	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Đập	0901		Cái				-										
2	Hồ chứa nước	0902		Cái				m3										
3	Cống	0903		Cái				m										
4	Trạm bơm	0904		Trạm				m3/h										
5	Hệ thống dẫn, chuyển nước	0905		Tuyến				m										
	Kiên cố hóa kênh mương xã Tịnh Sơn năm 2016, tuyến kênh B6-2-15 nối dài	09_5917_00000 1	2016	Tuyến	1	1		m	437	437		450.000.000	213.750.000		1		ĐM Đ	
	Hỗ trợ đất trồng lúa năm 2017, tuyến kênh: Trạm bơm Chợ Tổng – Đồng Thổ Mộ, An Thọ	09_5917_00000 2	2017	Tuyến	1	1		m	291	291		242.000.000	117.975.000		1		ĐM Đ	
	KCH kênh Bom Chợ Tổng - Đồng Cây Quýt	09_5917_00000 3	2019	Tuyến	1	1		m	595	595		273.912.000	136.956.000		1		ĐM Đ	
	Hỗ trợ đất lúa năm 2019 KCH Kênh B62-Đồng Đầu Rẫy đội 4 thôn Đông	09_5917_00000 4	2020	Tuyến	1	1		m	340	340		312.537.000	187.522.200		1		ĐM Đ	
	Kênh B6-2 đi đồng gò giữa đội 4 thôn Đông	09_5917_00000 5	2024	Tuyến	1	1		m	450	450		333.250.000	333.250.000		1		ĐM Đ	
	Nạo vét tuyến suối cầu Miếu Ngói	09_5917_00000 6	2020	Tuyến	1	1		m	1.148	1.148		396.141.000	237.684.600		1		ĐM Đ	
	Nạo vét tuyến suối Miếu Ngói	09_5917_00000 7	2020	Tuyến	1	1		m	3.210	3.210		396.141.000	237.684.600		1		ĐM Đ	
	KCH kênh Bom Chợ Tổng kéo dài (đoạn sau nhà Ông trừ Trà Lương)	09_5917_00000 8	2021	Tuyến	1	1		m	469	469		382.208.000	267.545.600		1		ĐM Đ	
	Nạo vét tuyến suối cầu Bến Bè	09_5917_00000 9	2021	Tuyến	1	1		m	2.575	2.575		499.680.000	349.776.000		1		ĐM Đ	

	Khắc phục thiệt hại do Bão lũ tuyến kênh Rộc Mân, kênh BM5 đội 12 thổ mộ	09_5917_000010	2021	Tuyển	1	1	m	362	362		232.413.000	162.689.100	1	ĐM Đ
	KCH Kênh 2020 HM:Kênh và công trình trên kênh tuyến Ngõ ông Biên - Đồng Ró	09_5917_000011	2021	Tuyển	1	1	m	494	494		342.762.000	239.933.400	1	ĐM Đ
	KCH Kênh Ngõ ông Biên - Đồng Ró	09_5917_000012	2021	Tuyển	1	1	m	265	265		193.163.000	135.214.100	1	ĐM Đ
	Kênh B6-2-10	09_5917_000013	2021	Tuyển	1	1	m	949	949		355.477.000	248.833.900	1	ĐM Đ
6	Công trình phụ trợ quản lý, khai thác thủy lợi	0906		Công			-							
6.	Nhà, trạm quản lý	090601		Nhà, trạm			m2							
6.	Đường quản lý	090602		Đoạn, tuyến			km							
6.	Thiết bị quan trắc	090603		Cái			-							
6.	Kho, bãi vật tư	090604		Cái			m2							
6.	Cột mốc chỉ giới, biển báo	090605		Cái			-							
7	Kè	0907		Cái			m							
8	Bờ bao thủy lợi	0908		Cái			km							
9	Tài sản khác	0909		Cái			-							

Các thành viên Tổ kiểm kê  
(Ký, họ tên)

Họ và tên	Ký tên
Nguyễn Văn Công	
Bùi Tấn Luân	
Nguyễn Thanh Hải	
Trần Ngọc Thanh	
Dương Thị Hòa Lý	
Lê Thị Kiều Anh	
Tôn Long Quyền	
Tôn Long Sĩ	
Lê Văn Thanh	

Tỉnh Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tổ trưởng Tổ kiểm kê  
(Ký, họ tên)

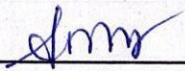




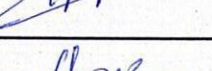
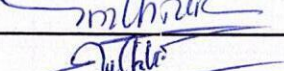


Phạm Văn Lành

Nguyễn Văn Công

Nguyễn Văn Công

Ngô Công Hiến

Lương Thị Ánh Ngọc	
Phạm Duy Tân	
Từ Ngọc Minh	
Nguyễn Ngọc Khanh	
Nguyễn Đức Nở	
Nguyễn Duy Công	
Tôn Thị Tiên	
Đặng Thị Thuý Đào	